

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty Honda Việt Nam
- 1.2. Địa chỉ: Phường Phúc Thắng – Thành phố Phúc Yên- Tỉnh Vĩnh Phúc
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô hai bánh
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SH350i
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): NF121 SH350i
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 0215/VAQ06 - 01/22 - 00
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 5817/NETC-M/22/C ngày: 13-09-2022

2. Thông số kỹ thuật của Xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 172 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 322 kg
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: HONDA NF11E. Loại động cơ: Xăng 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 329,6 cm³
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 21,5/7500 kW/rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/ phun nhiên liệu/ khác: ...⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Cơ-khí/Tự động⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,420 – 0,800
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 8,322
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 110/70 – 16M/C 52S áp suất lốp: 260 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 130/70R – 16M/C 61S áp suất lốp: 260 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 134 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

- 3.1. Chu trình thử: TCVN 9726:2013
- 3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 3,63 l/100 km



4. Mẫu nhãn năng lượng công khai

Kích thước: 50 x 70 mm



5. Ghi chú (nếu có):

.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cơ sở sản xuất/ nhập khẩu
(Ký tên, đóng dấu)



LƯƠNG VIỆT THANH
TRƯỞNG KHỐI
VĂN PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG



Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm